

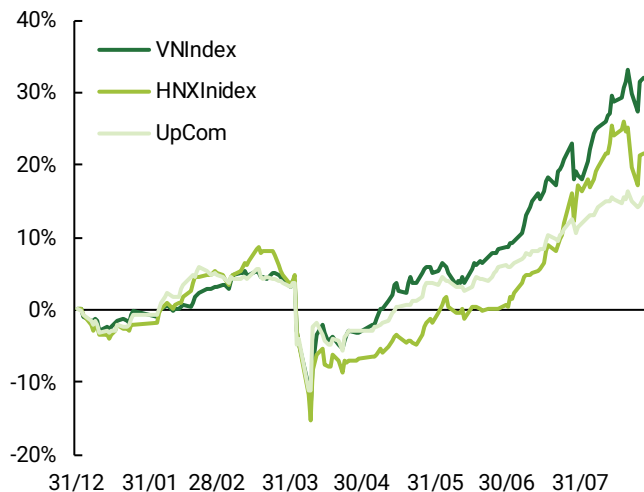
**VN-Index** **1672.78 (0.31%)**  
1643 Tr. cổ phiếu 47657.8 Tỷ VND (20.27%)

**HNX-Index** **276.38 (0.21%)**  
132 Tr. cổ phiếu 3018.8 Tỷ VND (20.73%)

**UPCOM-Index** **109.94 (1.01%)**  
63 Tr. cổ phiếu 976.0 Tỷ VND (8.42%)

**VN30F1M** **1846.40 (-0.30%)**  
365,634 HD OI: 52,835 HD

### % Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



### NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Mặc dù khởi sắc đầu phiên nhưng lực cung vẫn chiếm ưu thế hơn đẩy VN-Index về lại sát tham chiếu, trong khi VN30 lồi về giá đỡ. Trên mặt trận thương mại, theo WSJ, Trung Quốc đang cử ông Lý Thành Cương, Thứ trưởng Thương mại kiêm Đặc phái viên thương mại, tới Mỹ trong tuần này để tiếp tục thảo luận về thương mại song phương. Theo kế hoạch, ông sẽ gặp Đại diện Thương mại Mỹ Jamieson Greer và cả giới doanh nghiệp. Gần đây, ông Trump đã đe dọa sẽ áp "thuế quan 200%" đối với Trung Quốc nếu xuất khẩu nam châm đất hiếm bị hạn chế.
- Điểm nhấn trong phiên:** Thanh khoản tăng so với phiên trước nhưng vẫn thấp hơn mức bình quân 20 phiên. Độ rộng thị trường nghiêng về bên mua, nhưng mức tăng đã thu hẹp bớt. Ở chiều nâng đỡ, **nhóm Ngân hàng quốc doanh (VCB, BID, CTG) giao dịch tích cực sau thông tin chính thức xóa bỏ cơ chế Nhà nước độc quyền sản xuất vàng miếng**. Tuy nhiên, mức lan tỏa trong ngành hạn chế, thậm chí một số mã ngân hàng giảm đỏ. Chiều tăng nổi bật còn ghi nhận ở nhóm Cảng biển (GMD, HAH...), Bất động sản (DXG, NLG,...), Chứng khoán (VIX, VND, SSI...), Công nghệ (FPT...). Ở chiều ngược lại, nhóm Vingroup hạ nhiệt gây sức ép lên mức giảm chung. Bên cạnh nhóm Thép (HPG, NKG...), Hóa chất (DCM, BFC...), Đầu tư công (LCG, HHV...), cũng cho phản ứng kém. Về mặt tác động, giữ vai trò động lực là lực kéo từ VCB, FPT, BID, VIX, trong khi đà giảm từ VIC, VPB, LPB, HPG, đã kìm hãm. Khối ngoại bán ròng trở lại lớn gần 4000 tỷ đồng, tập trung nhiều ở HPG (hơn 900 tỷ), VPB (hơn 500 tỷ), CTG (hơn 400 tỷ).

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** lùi bước tại khu vực cản với mẫu hình nến sao rơi, cho thấy cung bán vùng cao còn chi phối. Dòng tiền khả năng trở lại phân hóa và tập trung vào số ít mã dẫn đầu ngành. Các chỉ báo kỹ thuật cải thiện nhưng chưa thay đổi nhiều để xác nhận cho việc kết thúc điều chỉnh. Vận động khả năng kiểm định lại khu vực 1640 - 1660 điểm để củng cố thêm đà. Nếu giao dịch tiếp tục giữ vững trên ngưỡng 1640 điểm có thể kỳ vọng tín hiệu cân bằng. Trường hợp thoái lui dưới ngưỡng này, phản ứng bật tăng nghiêng về nhịp hồi kỹ thuật và áp lực điều chỉnh sẽ quay lại với dư địa tìm về khu vực 1580 - 1600 điểm.
- Đối với HNX-Index**, chỉ số cũng chứng lại trong chiều hồi phục khi tiếp cận ngưỡng cản 280 điểm. Vận động khả năng cần củng cố thêm quanh vùng 270 - 275 điểm để tích lũy thêm đà cho mục tiêu bứt phá.
- Chiến lược chung:** Tận dụng nhịp hồi hạ bớt tỷ trọng và đưa tài khoản về mức trung bình. Theo dõi thêm diễn biến thị trường, chưa vội hưng phấn đuổi theo các vị thế khi tín hiệu chưa thật sự rõ ràng. Các nhóm ưu tiên chú ý: Ngân hàng, Bất động sản, Bán lẻ, Tiện ích (Điện).

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Mua GMD (Xem tiếp tại trang 7)

### Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

| Chỉ số               | Giá đóng cửa |        |        |        | % Thay đổi |                |                    |                     | Giá trị giao dịch (Tỷ VND) | % Biến động giá trị giao dịch so với |                |                    |                     | Khối lượng giao dịch (Triệu CP) | % Biến động khối lượng giao dịch so với |  |  |  |
|----------------------|--------------|--------|--------|--------|------------|----------------|--------------------|---------------------|----------------------------|--------------------------------------|----------------|--------------------|---------------------|---------------------------------|-----------------------------------------|--|--|--|
|                      |              | (%) 1D | (%) 1W | (%) 1M |            | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |                            |                                      | 01 phiên trước | Trung bình 01 tuần | Trung bình 01 tháng |                                 |                                         |  |  |  |
| Theo chỉ số          |              |        |        |        |            |                |                    |                     |                            |                                      |                |                    |                     |                                 |                                         |  |  |  |
| VN-Index             | 1,672.8      | 📉      | 0.3%   | 0.5%   | 9.3%       | 47,657.8       | ▲                  | 20.3%               | -30.1%                     | 27.3%                                | 1,643.4        | ▲                  | 8.8%                | -31.9%                          | 12.9%                                   |  |  |  |
| HNX-Index            | 276.4        | 📉      | 0.2%   | -2.6%  | 8.6%       | 3,018.8        | ▲                  | 20.7%               | -39.6%                     | -6.8%                                | 131.8          | ▲                  | 15.0%               | -40.2%                          | -21.6%                                  |  |  |  |
| UPCOM-Index          | 109.9        | ▲      | 1.0%   | 0.2%   | 3.9%       | 976.0          | ▲                  | 8.4%                | -49.4%                     | -35.5%                               | 63.2           | ▲                  | 3.6%                | -49.7%                          | -52.1%                                  |  |  |  |
| VN30                 | 1,848.6      | ▼      | 0.0%   | 1.1%   | 10.7%      | 25,479.3       | ▲                  | 19.2%               | -24.6%                     | 79.3%                                | 684.0          | ▲                  | 12.0%               | -30.4%                          | 54.4%                                   |  |  |  |
| VNMID                | 2,535.1      | 📉      | 0.6%   | -1.2%  | 9.4%       | 18,310.5       | ▲                  | 24.1%               | -30.3%                     | 1.2%                                 | 668.0          | ▲                  | 7.3%                | -31.5%                          | -4.9%                                   |  |  |  |
| VNSML                | 1,597.2      | 📉      | 0.2%   | -3.2%  | 1.6%       | 2,438.7        | ▲                  | 6.5%                | -51.4%                     | -35.4%                               | 148.7          | ▼                  | -3.3%               | -50.4%                          | -29.4%                                  |  |  |  |
| Theo ngành (VNIndex) |              |        |        |        |            |                |                    |                     |                            |                                      |                |                    |                     |                                 |                                         |  |  |  |
| Ngân hàng            | 694.3        | 📉      | 0.9%   | 1.4%   | 16.6%      | 16,469.4       | ▲                  | 20.7%               | -14.8%                     | 7.6%                                 | 547.1          | ▲                  | 5.4%                | -21.6%                          | -5.4%                                   |  |  |  |
| Bất động sản         | 534.3        | ▼      | -1.0%  | 7.7%   | 13.7%      | 7,009.2        | ▲                  | 40.5%               | -6.0%                      | -10.8%                               | 282.5          | ▲                  | 48.7%               | -4.8%                           | -11.5%                                  |  |  |  |
| Dịch vụ tài chính    | 382.7        | ▲      | 1.6%   | -0.7%  | 15.1%      | 8,176.6        | ▲                  | 9.6%                | 2.6%                       | 0.6%                                 | 263.6          | ▲                  | 8.9%                | -4.1%                           | -11.1%                                  |  |  |  |
| Công nghiệp          | 256.7        | 📉      | 0.7%   | -3.0%  | 1.9%       | 2,032.9        | ▲                  | 75.1%               | -0.7%                      | -28.5%                               | 45.7           | ▲                  | 50.7%               | -12.9%                          | -36.9%                                  |  |  |  |
| Tài nguyên cơ bản    | 531.3        | ▼      | -1.5%  | -3.5%  | 3.7%       | 2,734.5        | ▲                  | 52.7%               | -7.2%                      | -15.9%                               | 109.2          | ▲                  | 25.4%               | -14.2%                          | -22.5%                                  |  |  |  |
| Xây dựng - Vật Liệu  | 194.2        | ▼      | -0.6%  | -8.1%  | -4.8%      | 1,865.6        | ▼                  | -22.0%              | -40.7%                     | -40.6%                               | 84.9           | ▼                  | -27.9%              | -40.8%                          | -43.8%                                  |  |  |  |
| Thực phẩm            | 550.6        | 📉      | 0.7%   | -2.4%  | 0.4%       | 2,372.1        | ▼                  | -32.5%              | -30.9%                     | -27.0%                               | 75.9           | ▼                  | -47.4%              | -31.4%                          | -19.8%                                  |  |  |  |
| Bán Lẻ               | 1,387.0      | ▲      | 1.2%   | 4.4%   | 1.1%       | 1,313.7        | ▼                  | -17.4%              | 3.8%                       | -3.5%                                | 19.6           | ▼                  | -18.8%              | -6.5%                           | -12.9%                                  |  |  |  |
| Công nghệ            | 555.3        | ▲      | 4.6%   | -0.9%  | -8.7%      | 2,113.0        | ▲                  | 237.4%              | 78.4%                      | 51.8%                                | 22.7           | ▲                  | 161.2%              | 34.6%                           | 14.6%                                   |  |  |  |
| Hóa chất             | 176.7        | ▼      | -0.4%  | -5.9%  | -2.7%      | 782.2          | ▲                  | 36.0%               | -35.0%                     | -45.1%                               | 19.7           | ▲                  | 25.1%               | -38.4%                          | -48.9%                                  |  |  |  |
| Tiện ích             | 687.2        | 📉      | 0.01%  | -0.6%  | 2.0%       | 807.8          | ▲                  | 129.6%              | 46.6%                      | 28.9%                                | 37.3           | ▲                  | 104.7%              | 34.4%                           | 22.0%                                   |  |  |  |
| Dầu khí              | 75.2         | ▼      | -2.0%  | -2.6%  | 19.0%      | 728.4          | ▲                  | 37.1%               | -37.0%                     | -18.6%                               | 28.2           | ▲                  | 41.6%               | -32.6%                          | -21.9%                                  |  |  |  |
| Dược phẩm            | 419.1        | 📉      | 0.2%   | -2.5%  | -2.1%      | 30.3           | ▲                  | 60.2%               | -36.9%                     | -61.7%                               | 2.2            | ▲                  | 58.6%               | -36.6%                          | -62.2%                                  |  |  |  |
| Bảo hiểm             | 97.8         | ▼      | -1.1%  | -2.2%  | 15.5%      | 71.7           | ▲                  | 3.0%                | -38.7%                     | -38.3%                               | 1.8            | ▼                  | -0.1%               | -42.6%                          | -42.5%                                  |  |  |  |

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

### Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

| Chỉ số              | Thị trường  | Giá đóng cửa | % Thay đổi giá |        | Chỉ số định giá |      |
|---------------------|-------------|--------------|----------------|--------|-----------------|------|
|                     |             |              | 1 ngày         | YTD    | P/E             | P/B  |
| VN-Index            | Việt Nam    | 1,672.8      | 0.3%           | 32.0%  | 16.0x           | 2.1x |
| SET-Index           | Thái Lan    | 1,248        | -0.3%          | -10.9% | 13.0x           | 1.2x |
| JCI-Index           | Indonesia   | 7,936        | 0.4%           | 12.1%  | 7.0x            | 2.1x |
| FTSE Bursa Malaysia | Malaysia    | 11,789       | 0.5%           | -6.3%  | 15.0x           | 1.3x |
| PSEi Index          | Phillipines | 6,273        | 2.1%           | -3.9%  | 10.5x           | 1.3x |
| Shanghai Composite  | Trung Quốc  | 3,800        | -1.8%          | 13.4%  | 18.9x           | 1.6x |
| Hang Seng           | Hồng Kông   | 25,202       | -1.3%          | 25.6%  | 12.2x           | 1.4x |
| Nikkei 225          | Nhật Bản    | 42,520       | 0.3%           | 6.6%   | 19.8x           | 2.2x |
| S&P 500             | Mỹ          | 6,466        | 0.4%           | 9.9%   | 27.5x           | 5.5x |
| Dow Jones           | Mỹ          | 45,418       | 0.3%           | 6.8%   | 25.2x           | 5.6x |
| FTSE 100            | Anh         | 9,263        | -0.03%         | 13.3%  | 14.2x           | 2.2x |
| Euro Stoxx 50       | Châu Âu     | 5,390        | 0.1%           | 10.1%  | 16.7x           | 2.3x |
|                     |             |              |                |        |                 |      |
| DXV                 |             | 99           | 0.24%          | -9.1%  |                 |      |
| USDVND              |             | 26,364       | 0.04%          | 3.4%   |                 |      |

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

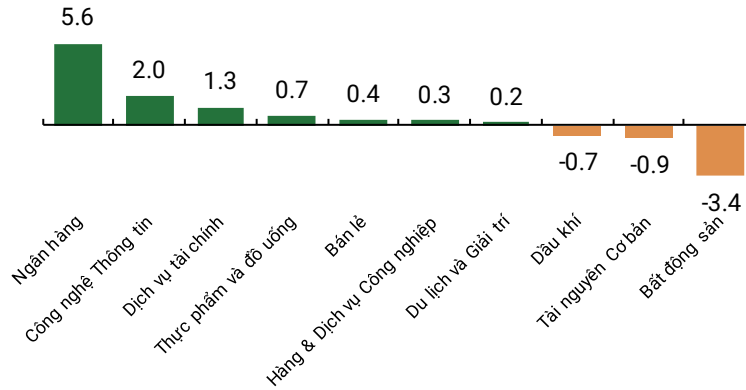
### Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

| Giá/ Chỉ số hàng hóa      |   | % Thay đổi giá |        |        |        |
|---------------------------|---|----------------|--------|--------|--------|
|                           |   | 1D             | 1M     | % YTD  | % YoY  |
| Dầu Brent                 | ▼ | -0.2%          | -2.0%  | -10.1% | -15.7% |
| Dầu WTI                   | ▼ | -2.67%         | -3.2%  | -12.1% | -16.5% |
| Khí gas                   | — | 0.3%           | -13.0% | -25.5% | 42.1%  |
| Than cốc (*)              | — | 0.0%           | 15.5%  | -7.5%  | -10.8% |
| Thép HRC (*)              | ▼ | -0.3%          | -1.0%  | -0.9%  | 6.5%   |
| PVC (*)                   | ▼ | -0.9%          | 0.4%   | -3.8%  | -11.0% |
| Phân Urea (*)             | — | 0.3%           | 8.3%   | 37.1%  | 51.3%  |
| Cao su thiên nhiên        | ▼ | -0.2%          | -2.2%  | -12.9% | -5.0%  |
| Bông Cotton               | ▼ | -0.8%          | -2.3%  | -4.3%  | -6.5%  |
| Đường                     | — | 0.6%           | 1.3%   | -14.3% | -15.8% |
| World Container Index     | ▼ | -4.2%          | -10.6% | -40.8% | -57.7% |
| Baltic Dirty tanker Index | ▲ | 2.6%           | 17.5%  | 11.8%  | 13.7%  |
|                           |   |                |        |        |        |
| Vàng                      | — | 0.3%           | 1.1%   | 28.6%  | 33.7%  |
| Bạc                       | ▼ | -0.9%          | 0.2%   | 32.3%  | 27.6%  |

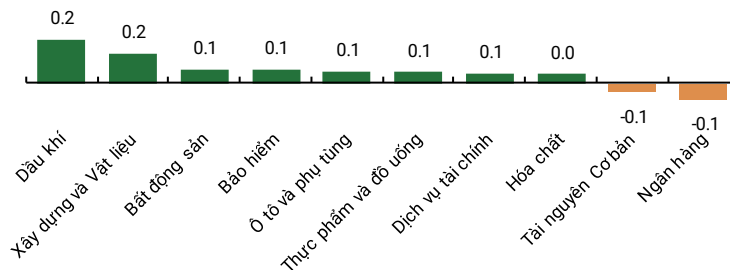
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (\*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

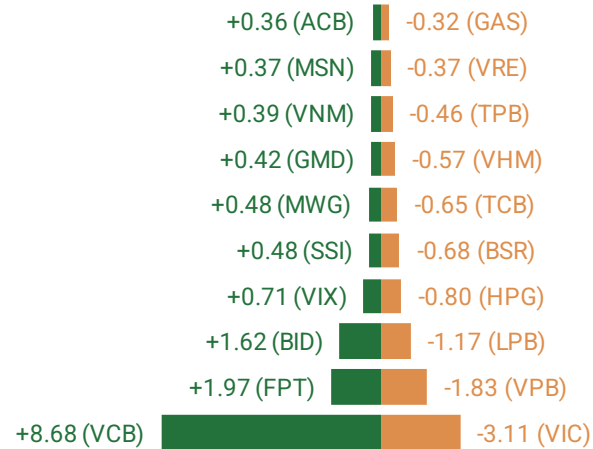
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX



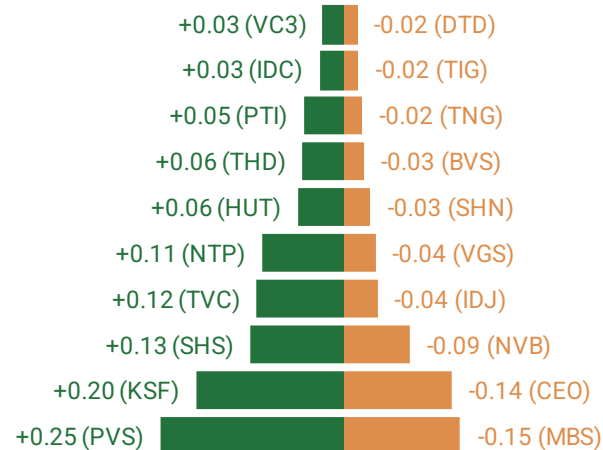
### TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

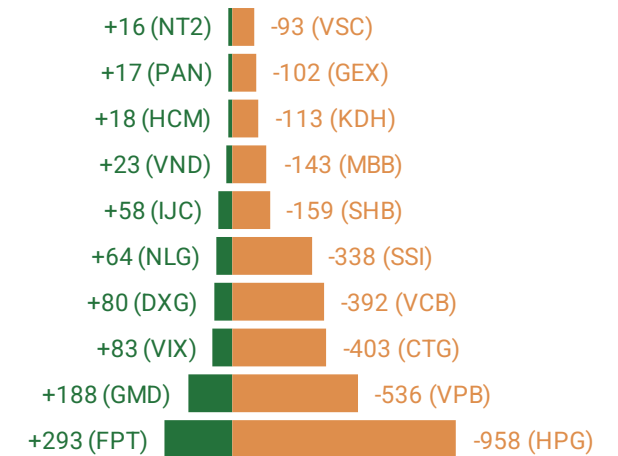


### TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX

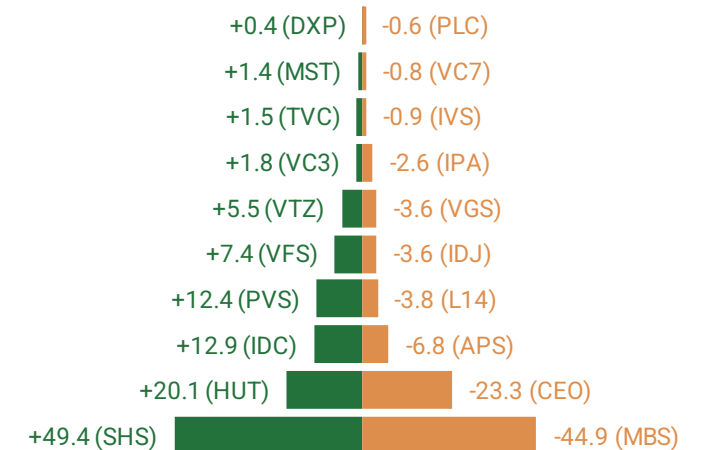


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

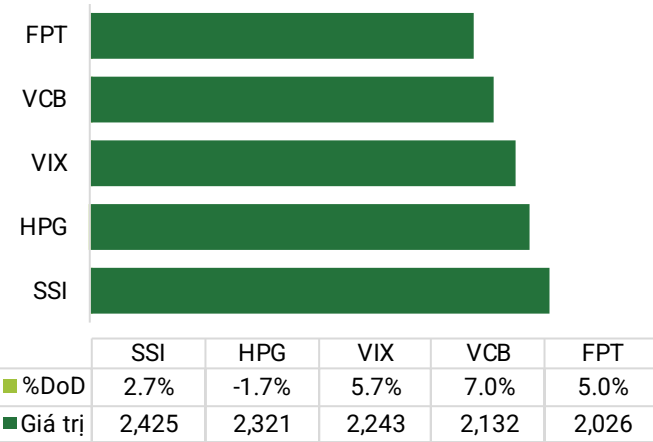
### TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



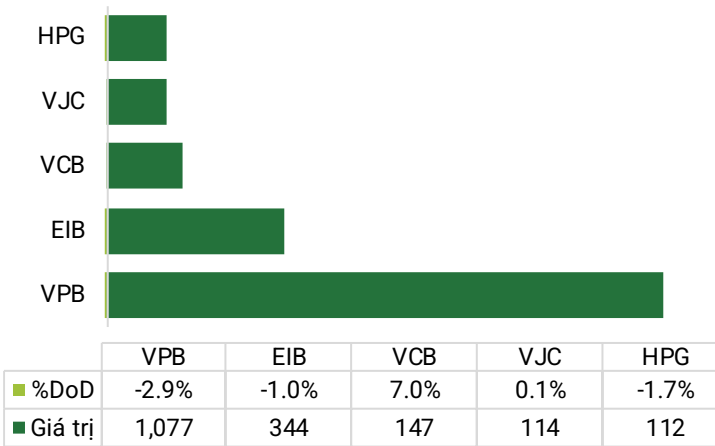
### TOP CỔ PHIẾU NGTNN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX

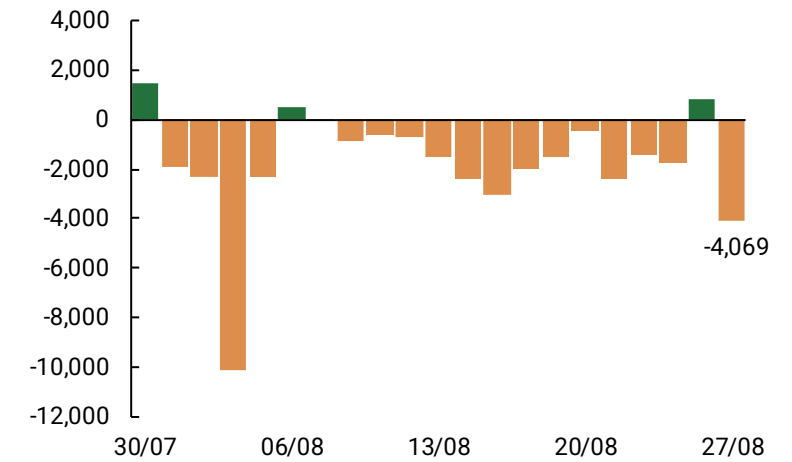


### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX

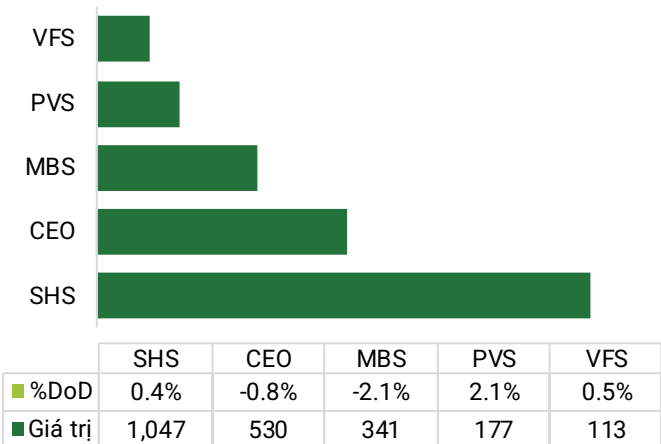


## BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

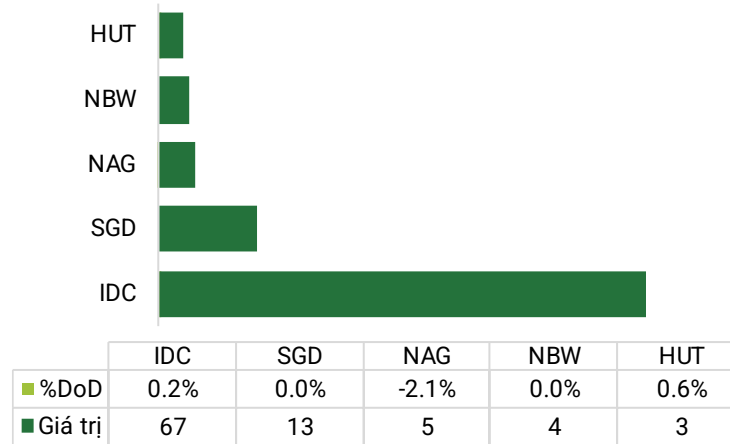
### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



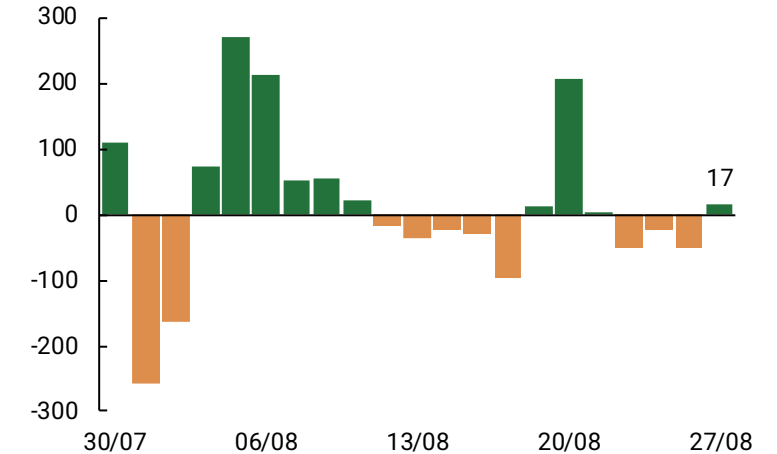
### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



### TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



### GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





### Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến sao rơi, vol tăng nhưng dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1590 – 1615.
- ✓ Kháng cự: 1680 - 1700.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

**Kịch bản:** Mặc dù tâm lý khởi sắc đầu phiên nhưng VN-Index đã lùi bước trước vùng cản 1680 – 1700 điểm. Khớp lệnh gia tăng nhưng vẫn ở mức thấp dưới bình quân 20 phiên, cho thấy cung cầu còn lưỡng lự. **Vận động khả năng sẽ cần củng cố thêm quanh vùng 1640 – 1660 điểm để tái tạo lại đà cho chiều hướng bút phá.** Trường hợp thoái lui thấp hơn mức 1640 điểm, áp lực điều chỉnh có thể chi phối trở lại với mục tiêu tìm về ngưỡng 1560 điểm.



### Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến sao rơi, vol tăng nhưng dưới bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1880.
- ✓ Chỉ báo MACD, RSI suy yếu.
- ✓ Xu hướng: Điều chỉnh.

➔ Chỉ số tăng điểm đầu phiên nhưng đã điều chỉnh trở lại khi tiếp cận khu vực đỉnh cũ, cho thấy lực cung vùng cao còn chi phối. Hoạt động luân chuyển ở nhóm vốn hóa lớn đang điều tiết chỉ số. **VN30 có thể cần hạ nhiệt củng cố nền giá trên vùng 1820 điểm để xác nhận cho đà bật tăng trước đó.**

| STOCK    |                         | STRATEGY   | Technical           |             |              | Financial Ratio  |        |
|----------|-------------------------|------------|---------------------|-------------|--------------|------------------|--------|
| Ticker   | <b>GMD</b>              | <b>BUY</b> | Current price       | <b>66.0</b> |              | P/E (x)          | 17.5   |
| Exchange | HOSE                    |            | Action price (28/8) | <b>66.0</b> |              | P/B (x)          | 2.1    |
| Sector   | Transportation Services |            | Target price        | <b>76</b>   | <b>15.2%</b> | EPS              | 3765.1 |
|          |                         |            | Cut loss            | <b>60</b>   | <b>-9.1%</b> | ROE              | 12.0%  |
|          |                         |            |                     |             |              | Stock Rating     | A      |
|          |                         |            |                     |             |              | Scale Market Cap | Medium |



### TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá phủ định hoàn toàn đã giảm trước đó và xác nhận bút phá khỏi vùng cản 64 - 65.
  - Thanh khoản gia tăng đồng thuận xu hướng.
  - Chỉ báo MACD có dấu hiệu đảo chiều đi lên trên đường tín hiệu, trong khi RSI cũng bật tăng trở lại trên mức 60, hàm ý động lượng tăng được cải thiện.
  - MA50 cắt lên MA200 củng cố vị thế trung hạn.
- ➔ Xu hướng tăng kỳ vọng tiếp tục và tiến tới chinh phục đỉnh lịch sử.
- ➔ Khuyến nghị Mua quanh giá hiện tại hoặc tận dụng điều chỉnh trong phiên.

### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú              |
|-----|-------|-------------|------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|----------------------|
| 1   | GMD   | Mua         | 28/08/2025       | 66.0         | 66.0          | 0.0%           | 76.0         | 15.2%      | 60         | -9.1%      | Kiểm định tốt hỗ trợ |

### Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

| STT | Mã CK | Khuyến nghị | Ngày khuyến nghị | Ngày cập nhật khuyến nghị | Giá hiện tại | Giá thực hiện | LN/Lỗ hiện tại | Giá mục tiêu | LN dự kiến | Giá cắt lỗ | Lỗ dự kiến | Ghi chú |
|-----|-------|-------------|------------------|---------------------------|--------------|---------------|----------------|--------------|------------|------------|------------|---------|
| 1   | QTP   | Mua         | 19/08/2025       | -                         | 13.34        | 13.3          | 0.4%           | 14.5         | 9.1%       | 12.8       | -3.7%      |         |
| 2   | OCB   | Mua         | 21/08/2025       | -                         | 13.60        | 13.65         | -0.4%          | 16           | 17.2%      | 12.6       | -7.7%      |         |
| 3   | VRE   | Mua         | 22/08/2025       | -                         | 30.60        | 30.40         | 0.7%           | 34           | 11.8%      | 28.4       | -7%        |         |
| 4   | VCB   | Mua         | 27/08/2025       | -                         | 69.10        | 64.6          | 7.0%           | 72           | 11.5%      | 60.5       | -6%        |         |
| 5   | MWG   | Mua         | 27/08/2025       | -                         | 75.00        | 73.6          | 1.9%           | 82           | 11.4%      | 68         | -8%        |         |





### Tín hiệu kỹ thuật

- Ở **đồ thị 15 phút**, hợp đồng VN30F2509 phần khởi đầu phiên nhưng lực cung đã nhanh chóng chi phối trở lại. Vận động hạ nhiệt sau đó và gần như đi ngang trong vùng 1846 - 1858.
- Chỉ báo MACD đã cắt xuống đường tín hiệu, trong khi RSI đang trong đà giảm về mức trung bình 50, hàm ý động lượng tăng suy yếu. Nếu vận động không trở lại vào hộp tích lũy 1846 - 1858, áp lực điều chỉnh có thể tiếp tục.
- Vị thế Short cân nhắc khi giá suy yếu dưới ngưỡng 1845, có thể gia tăng thêm Short nếu vận động sập gãy hỗ trợ 1820. Vị thế Long nên chờ xác nhận thoát khỏi nhịp điều chỉnh, ứng với việc củng cố giao dịch trên ngưỡng 1860.

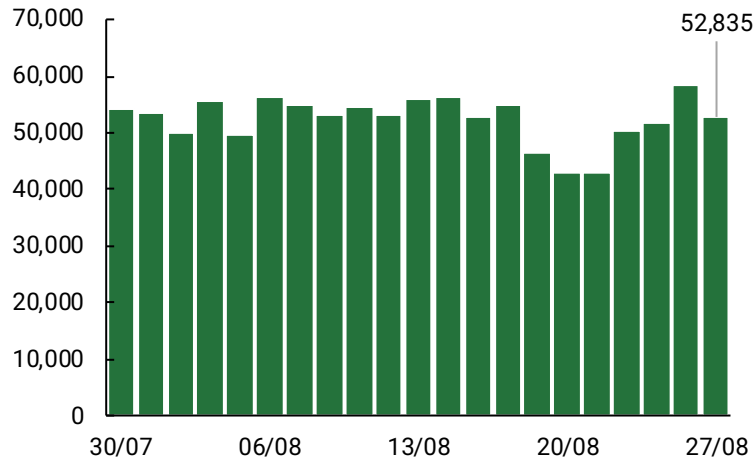
### Chiến lược giao dịch trong ngày

| Vị thế | Điểm vào | Chốt lời | Cắt lỗ | Lợi nhuận/<br>Rủi ro |
|--------|----------|----------|--------|----------------------|
| Short  | < 1.844  | 1.830    | 1.850  | 14 : 6               |
| Short  | < 1.825  | 1.810    | 1.831  | 15 : 6               |
| Long   | > 1.860  | 1.875    | 1.854  | 15 : 6               |

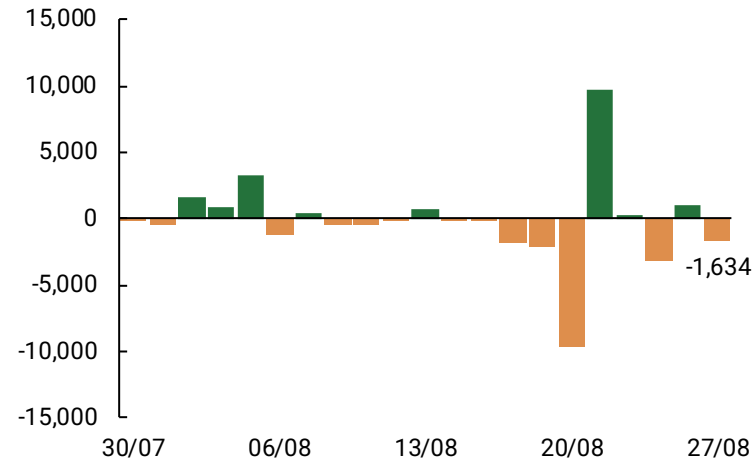
### Thông kê hợp đồng tương lai

| Mã hợp đồng | Giá đóng cửa | Thay đổi<br>(điểm) | KL giao dịch | KL Mở  | Giá lý thuyết | Chênh lệch | Ngày thanh<br>toán | Thời hạn còn lại (ngày) |
|-------------|--------------|--------------------|--------------|--------|---------------|------------|--------------------|-------------------------|
| VN30 Index  | 1,848.6      | -0.5               |              |        |               |            |                    |                         |
| VN30F2509   | 1,846.4      | -5.6               | 365,634      | 52,835 | 1,849.5       | -3.1       | 18/09/2025         | 22                      |
| 4111G3000   | 1,825.0      | -2.8               | 106          | 196    | 1,857.5       | -32.5      | 19/03/2026         | 204                     |
| 4111FA000   | 1,840.5      | -4.4               | 1,667        | 891    | 1,850.7       | -10.2      | 16/10/2025         | 50                      |
| VN30F2512   | 1,830.0      | -5.0               | 271          | 637    | 1,853.5       | -23.5      | 18/12/2025         | 113                     |

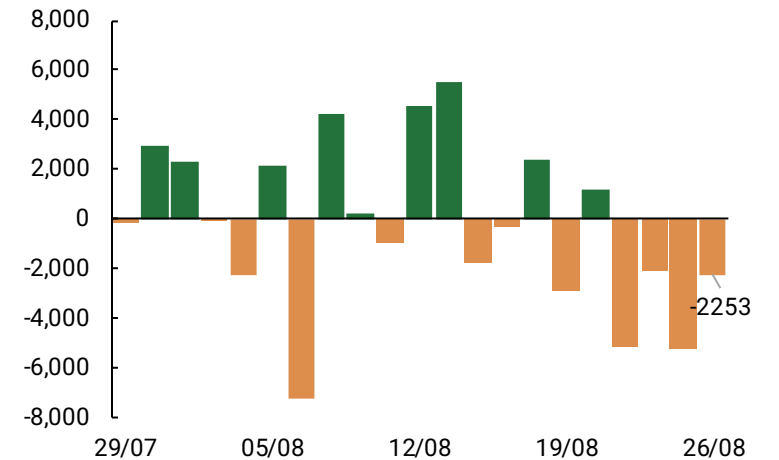
**Khối lượng mở (Open interest)**



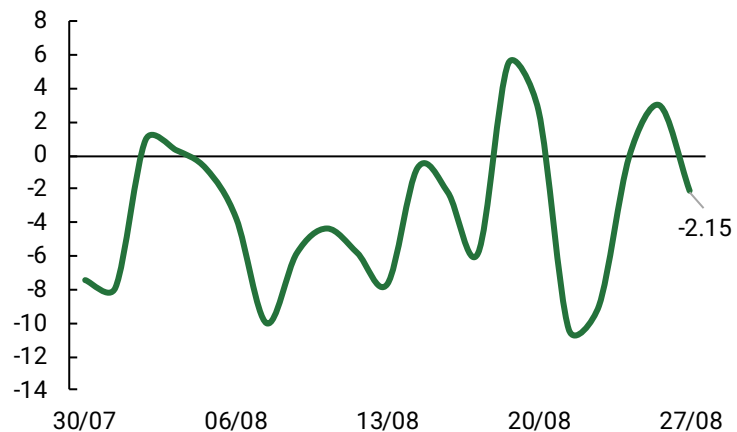
**Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)**



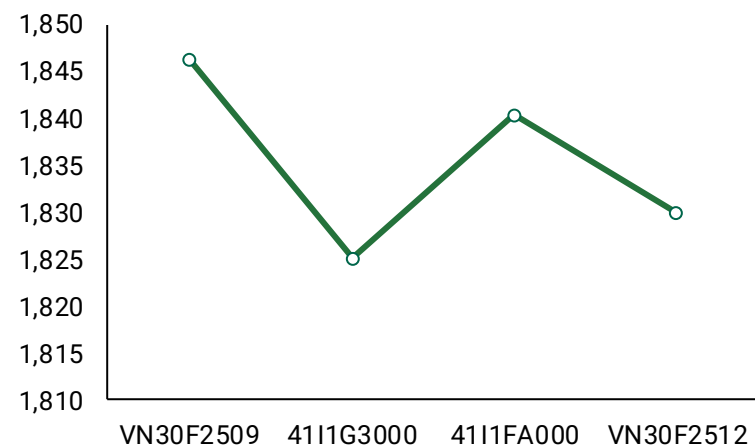
**Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)**



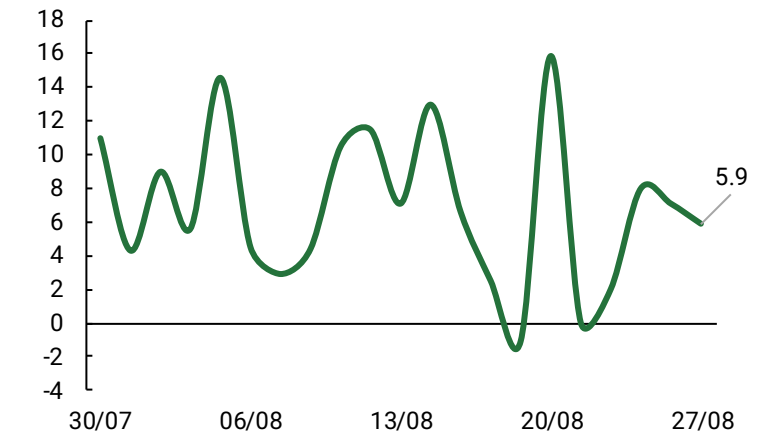
**Basis hợp đồng tương lai**



**Đường cong hợp đồng tương lai**



**VN30F1M – VN30F2M**



| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| AST   | 71,500  | 67,900       | -5.0%               | Giảm tỷ trọng |
| CTI   | 24,350  | 27,200       | 11.7%               | Tăng tỷ trọng |
| DBD   | 52,800  | 68,000       | 28.8%               | Mua           |
| DDV   | 31,640  | 37,800       | 19.5%               | Tăng tỷ trọng |
| DGC   | 98,700  | 102,300      | 3.6%                | Nắm giữ       |
| DGW   | 41,550  | 48,000       | 15.5%               | Tăng tỷ trọng |
| DPR   | 36,900  | 41,500       | 12.5%               | Tăng tỷ trọng |
| DRI   | 11,953  | 18,000       | 50.6%               | Mua           |
| EVF   | 14,150  | 14,400       | 1.8%                | Nắm giữ       |
| FRT   | 131,000 | 135,800      | 3.7%                | Nắm giữ       |
| GMD   | 66,000  | 68,100       | 3.2%                | Nắm giữ       |
| HAH   | 57,900  | 67,600       | 16.8%               | Tăng tỷ trọng |
| HHV   | 14,750  | 12,600       | -14.6%              | Bán           |
| HPG   | 26,750  | 30,900       | 15.5%               | Tăng tỷ trọng |
| IMP   | 52,500  | 55,000       | 4.8%                | Nắm giữ       |

| Mã CK | Thị giá | Giá hợp lý * | Upside/<br>Downside | Khuyến nghị   |
|-------|---------|--------------|---------------------|---------------|
| MBB   | 27,400  | 22,700       | -17.2%              | Bán           |
| MSH   | 36,400  | 47,100       | 29.4%               | Mua           |
| MWG   | 75,000  | 74,600       | -0.5%               | Giảm tỷ trọng |
| PHR   | 56,000  | 72,800       | 30.0%               | Mua           |
| PNJ   | 85,300  | 96,800       | 13.5%               | Tăng tỷ trọng |
| PVT   | 17,900  | 18,900       | 5.6%                | Nắm giữ       |
| SAB   | 46,000  | 59,900       | 30.2%               | Mua           |
| TCB   | 38,950  | 36,650       | -5.9%               | Giảm tỷ trọng |
| TCM   | 30,100  | 38,400       | 27.6%               | Mua           |
| TRC   | 68,600  | 94,500       | 37.8%               | Mua           |
| VCG   | 24,550  | 26,200       | 6.7%                | Nắm giữ       |
| VHC   | 55,000  | 62,000       | 12.7%               | Tăng tỷ trọng |
| VNM   | 58,700  | 69,500       | 18.4%               | Tăng tỷ trọng |
| VSC   | 29,550  | 17,900       | -39.4%              | Bán           |

\* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

### THÔNG TIN VĨ MÔ

**Bộ Thương mại Mỹ áp thuế chống bán phá giá lên thép Việt Nam cùng 9 thị trường khác:** Bộ Thương mại Hoa Kỳ vừa ra phán quyết cuối cùng khẳng định áp thuế chống bán phá giá và thuế đối kháng đối với sản phẩm thép chống ăn mòn (CORE) nhập khẩu từ 10 quốc gia và vùng lãnh thổ. Theo đó, quyết định này ảnh hưởng trực tiếp đến lượng hàng trị giá khoảng 2,9 tỷ USD được xuất khẩu sang Mỹ từ các thị trường: Úc, Brazil, Canada, Mexico, Hà Lan, Nam Phi, Đài Loan, Thổ Nhĩ Kỳ, UAE và Việt Nam.

**Chính thức xóa bỏ cơ chế Nhà nước độc quyền sản xuất vàng miếng:** Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 232/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng. Theo đó, nội dung đáng chú ý của Nghị định là đã bãi bỏ khoản 3 Điều 4 của Nghị định 24/2012/NĐ-CP xóa bỏ cơ chế Nhà nước độc quyền sản xuất vàng miếng, xuất khẩu vàng nguyên liệu và nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng.

**Ấn Độ sẽ chịu thuế quan 50% từ ngày 27/8:** Mỹ sẽ áp thuế quan 50% lên hàng hóa Ấn Độ kể từ ngày 27/8 trong bối cảnh Tổng thống Donald Trump muốn trừng phạt New Delhi vì mua dầu mỏ Nga. Mức thuế cao làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa Ấn Độ trên thị trường Mỹ. Dệt may và giày dép là những ngành chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất.

### THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

**HBC - Xây dựng Hòa Bình tiếp tục thắng kiện, sắp nhận về 461 tỷ đồng:** Ngày 25/8, Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình thông báo nhận được Bản án phúc thẩm số 168/2025/KDTM-PT của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng với CTCP Phát triển Tập đoàn Sunshine (Sunshine Group) - Dự án Khu nhà ở cao tầng Nam Thăng Long (Giai đoạn II). Theo đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hòa Bình, buộc Sunshine Group thanh toán một lần cho tập đoàn này số tiền hơn 461 tỷ đồng. Con số này bao gồm 305 tỷ giá trị thi công còn thiếu, hơn 36 tỷ đồng tiền phạt vi phạm hợp đồng và gần 120 tỷ đồng tiền lãi chậm thanh toán.

**PVT - PVTrans ước lãi gần 890 tỷ trong 7 tháng:** Trong 7 tháng đầu năm, Tổng CTCP Vận tải Dầu khí ghi nhận doanh thu hợp nhất ước đạt 8.400 tỷ đồng, tương đương 151% kế hoạch 7 tháng và đã đạt 82% mục tiêu năm. Lợi nhuận trước thuế ước đạt 887 tỷ đồng, vượt 38% kế hoạch 7 tháng và đạt 74% chỉ tiêu cả năm. Tính đến tháng 8, PVTrans đã sở hữu tổng cộng 61 tàu đa chủng loại với tổng trọng tải đạt gần 1,8 triệu DWT, hơn 90% đội tàu của PVTrans đang hoạt động trên thị trường quốc tế. PVTrans đã mở rộng công suất đội tàu thêm 3% so với đầu năm thông qua hai thương vụ mua lại: tàu chở LPG Phoenix Gas (tháng 6) và tàu chở hàng rời PVT Fortune (tháng 7).

**SSI chào bán riêng lẻ hơn 104 triệu cp, tăng vốn vượt 20,000 tỷ đồng:** Theo phương án được thông qua, SSI sẽ chào bán riêng lẻ hơn 104 triệu cp. Tỷ lệ tương đương 5.28% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Đợt chào bán sẽ nâng vốn điều lệ của SSI lên mức 20,759 tỷ đồng. Giá chào bán cổ phiếu riêng lẻ là 31,300 đồng/cp. Với mức giá này, dự kiến SSI sẽ thu về hơn 3,256.5 tỷ đồng từ đợt phát hành. Theo phương án sử dụng vốn, 50% số tiền thu được sẽ dùng bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư chứng chỉ tiền gửi. Phần còn lại để bổ sung cho hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

**PVD tái khởi động giàn khoan tự nâng đầu tiên sau 1 thập kỷ:** Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí đã tổ chức lễ đặt tên giàn khoan tự nâng PV DRILLING VIII, tại phường Rạch Dừa, TP HCM vào ngày 18/8 vừa qua. Đây là giàn khoan mới sau 10 năm (kể từ 2015), nâng tổng số giàn PV Drilling sở hữu lên 6 giàn (5 giàn tự nâng và 1 giàn tiếp trợ nửa nổi nửa chìm), đáp ứng thị phần các dự án khoan thăm dò - phát triển đang gia tăng tại thị trường Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

- 01/08 Việt Nam & Mỹ – Chỉ số PMI  
Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
- 06/08 Việt Nam – Số liệu kinh tế VN tháng 7 và 7 tháng
- 12/08 Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng CPI tháng 7  
Việt Nam - MSCI công bố đảo danh mục
- 14/08 Mỹ - Chỉ số giá sản xuất PPI tháng 7
- 15/08 Mỹ - Doanh số bán lẻ MoM
- 20/08 Trung Quốc – Lãi suất cho vay cơ bản
- 21/08 Việt Nam – Đáo hạn phái sinh  
Mỹ - Họp FOMC
- 28/08 Mỹ – Số điều chỉnh GDP
- 29/08 Việt Nam - Quỹ ETF liên quan MSCI thực hiện tái cơ cấu danh mục  
Mỹ - Chỉ số core PCE
- 31/08 Trung Quốc – PMI sản xuất

### **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

### **Định nghĩa xếp loại**

**MUA:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

**TĂNG TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

**NẮM GIỮ:** Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

**BÁN:** Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

**GIẢM TỶ TRỌNG:** Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

**KHÔNG XẾP HẠNG:** Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

### **Miễn trừ trách nhiệm**

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

### **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)**

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

#### **Chi nhánh Quận 1**

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

#### **Chi nhánh Thanh Xuân**

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

#### **Chi nhánh Tân Bình**

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415